

Số: 2490/QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa 37 thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*Phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Giao Vụ Pháp chế, các đơn vị có liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm:

1. Triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh đã được Bộ trưởng thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

2. Trình Bộ trưởng sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các thủ tục hành chính tại các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng hình thức một văn bản sửa đổi nhiều văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định pháp luật về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh đã được Bộ trưởng thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

**Điều 3.** Giao Văn phòng Bộ theo dõi, đôn đốc các đơn vị liên quan thực hiện Quyết định này; tổng hợp vướng mắc để kịp thời báo cáo Bộ trưởng tháo gỡ trong

quá trình thực thi Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh được Bộ trưởng thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng; các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Các Cục, Vụ thuộc Bộ;
- Lưu: VT, VP (KSTTHC).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Võ Văn Hưng**

## **Phụ lục**

# **PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HOÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2490/QĐ-BNNMT ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

## **I. LĨNH VỰC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

### **1. Thủ tục hành chính 1: Điều chỉnh nội dung Thư phê duyệt PDD hoặc PoA-DD (1.004629).**

#### **a) Nội dung đơn giản hóa**

- Giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 02 ngày làm việc, 08 ngày còn 02 ngày làm việc, 03 ngày đối với yêu cầu điều chỉnh nội dung Thư phê duyệt PDD hoặc PoA-DD.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ gồm: Thư phê duyệt đã được cấp; Các Báo cáo tình hình thực hiện dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 13 của Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT.

- Cắt giảm thông tin kê khai trong Phụ lục 5 “Đơn đề nghị điều chỉnh nội dung Thư phê duyệt” ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT.

#### **b) Kiến nghị thực thi**

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 6 Điều 1 Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 13 của Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto.

#### **c) Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.252.663 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 565.786 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 686.877 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 55%.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 55%

#### **d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

## II. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

### 1. Thủ tục hành chính 1: Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y- cấp tỉnh (1.004022)

#### a) Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ yêu cầu nộp:

- Danh sách báo cáo viên ghi đầy đủ thông tin về bằng cấp chuyên môn hoặc chức danh khoa học của báo cáo viên đối với trường hợp hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hoá, thể thao (đóng dấu xác nhận của Doanh nghiệp)

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y.

#### b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 27 Thông tư 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y.

#### c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 18.000.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.520.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 5.480.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30,44%.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 66,6%.

#### d) Lộ trình thực hiện: 2025.

### 2. Thủ tục hành chính 2: Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu mang theo người (1.002496)

#### a) Nội dung đơn giản hóa:

Cắt giảm thời gian thực hiện, cắt giảm thành phần hồ sơ từ 08 ngày làm việc còn 07 ngày làm việc đối với lô hàng phải lấy mẫu xét nghiệm; giảm từ 03 ngày còn 01 ngày đối với lô hàng không phải lấy mẫu xét nghiệm.

#### b) Kiến nghị thực thi

Khoản 10 Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.

#### c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 80.477.263 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 80.477.263 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 0 %.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 37%.

**d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

**3. Thủ tục hành chính 3: Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện (2.001544)**

**a) Nội dung đơn giản hóa:**

Cắt giảm thời gian thực hiện, cắt giảm thành phần hồ sơ từ 8 ngày làm việc còn 07 ngày làm việc đối với lô hàng phải lấy mẫu xét nghiệm; giảm từ 03 ngày còn 01 ngày đối với lô hàng không phải lấy mẫu xét nghiệm.

**b) Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi, bổ sung khoản 20 Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

**c) Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 538.558 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 538.558 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 0 %.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 37%.

**d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

**4. Thủ tục hành chính 4: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu (1.003113)**

**a) Nội dung đơn giản hóa**

Cắt giảm thời gian thực hiện, cắt giảm thành phần hồ sơ từ 8 ngày làm việc còn 07 ngày làm việc đối với lô hàng phải lấy mẫu xét nghiệm; giảm từ 03 ngày còn 01 ngày đối với lô hàng không phải lấy mẫu xét nghiệm.

**b) Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi, bổ sung Điều 8, Điều 9 của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.

**c) Lợi ích phương án đơn giản hóa (đã bao gồm cắt giảm tần suất lấy mẫu kiểm dịch và chi phí đưa hàng về kho của doanh nghiệp)**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.293.352.285.396 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 659.139.229.693 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 634.213.055.703 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 49%.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 37%.

**d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

**5. Thủ tục hành chính 5: Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện (2.001558)**

**a) Nội dung đơn giản hóa:**

Cắt giảm thời gian thực hiện, cắt giảm thành phần hồ sơ từ 8 ngày làm việc còn 07 ngày làm việc đối với lô hàng phải lấy mẫu xét nghiệm; giảm từ 03 ngày còn 01 ngày đối với lô hàng không phải lấy mẫu xét nghiệm.

**b) Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi, bổ sung Điều 19 Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

**c) Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 461.750 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 461.750 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 37%.

**d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

**6. Thủ tục hành chính 6: Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập, xuất kho ngoại quan (2.001542)**

**a) Nội dung đơn giản hóa:**

Cắt giảm thời gian thực hiện từ 02 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc.

**b) Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi, bổ sung Điều 17 Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

**c) Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 76.632.978 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 76.632.978 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 50%.

**d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

**7. Thủ tục hành chính 7: Đăng ký, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập, xuất kho ngoại quan (1.002391)**

**a) Nội dung đơn giản hóa:**

Cắt giảm thời gian thực hiện từ 07 ngày làm việc, còn 02 ngày làm việc.

**b) Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi, bổ sung Điều 15 Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.

**c) Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 41.838.960 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 41.838.960 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 50%.

**d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

**8. Thủ tục hành chính 8: Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam (Mã số: 1.003478)**

**a) Nội dung đơn giản hóa:**

Cắt giảm thời gian thực hiện từ 02 ngày làm việc, còn 01 ngày làm việc.

**b) Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi, bổ sung Điều 15, Điều 16 Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

**c) Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.062.959 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.062.959 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 50%.

**d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

**9. Thủ tục hành chính 9: Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam (1.002439)**

**a) Nội dung đơn giản hóa:**

Cắt giảm thời gian thực hiện từ 02 ngày làm việc, còn 01 ngày làm việc.

**b) Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi, bổ sung Điều 14 Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.

**c) Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.676.538 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.676.538 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 50%.

**d) Lộ trình thực hiện: 2025.****10. Thủ tục hành chính 10: Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp Tỉnh (2.000873)****a) Nội dung đơn giản hóa:**

Cắt giảm thời gian thực hiện, cắt giảm thành phần hồ sơ từ 8 ngày làm việc còn 07 ngày làm việc đối với lô hàng phải lấy mẫu xét nghiệm; giảm từ 03 ngày còn 01 ngày đối với lô hàng không phải lấy mẫu xét nghiệm.

**b) Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi, bổ sung Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

**c) Lợi ích phương án đơn giản hoá**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.295.359.500 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.295.359.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 37%.

**d) Lộ trình thực hiện: 2025.****11. Thủ tục hành chính 11: Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp Tỉnh (1.002338)****a) Nội dung đơn giản hóa:**

Cắt giảm thời gian thực hiện từ 05 ngày làm việc, còn 04 ngày làm việc.

**b) Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi Điều 4 và Điều 5 Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.

**c) Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.778.538.500 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.778.538.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 15%.

**d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

**III. LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**1. Thủ tục hành chính 1: Công nhận tiến bộ kỹ thuật (2.001576)**

**a) Nội dung đơn giản hóa**

- Cắt giảm thời gian: Giảm thời gian thẩm định hồ sơ từ 15 ngày xuống còn 10 ngày; Giảm thời gian hoàn thiện hồ sơ từ 30 ngày xuống còn 15 ngày;
- Bãi bỏ yêu cầu xác nhận của cơ quan hoặc địa phương đối với hồ sơ nhận xét ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất tại mẫu số 3, Thông tư 04/2018/TT-BNNPTNT

**b) Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi điểm c khoản 1, điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều 5 Thông tư 04/2018/TT-BNNPTNT ngày 03/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp.

**c) Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.102.638 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.177.923 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.924.715 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 46.9%.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 31,7%

**d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

**IV. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM**

**1. Thủ tục hành chính 1: Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (3.000198).**

**a) Nội dung đơn giản hóa:**

Cắt giảm thời gian thực hiện từ 24 ngày xuống 14 ngày.

### **b) Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi khoản 4 Điều 8, 11 Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp.

#### **c) Lợi ích phương án đơn giản hoá**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.081.168 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.468.225 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.612.942 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,74 %.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 42 %.

#### **d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

**2. Thủ tục hành chính 2: Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng (1.011470)**

#### **a) Nội dung đơn giản**

Cắt giảm thời gian cập nhật hồ sơ trả lời tính đầy đủ, lấy ý kiến hồ sơ, xác minh hồ sơ và ra quyết định phê duyệt phương án từ 10 ngày xuống còn 07 ngày.

### **b) Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi khoản 4 Điều 6 Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

#### **c) Lợi ích phương án đơn giản hoá**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.613.430.750 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.359.655.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3.253.775.250 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30,7%.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 30 %.

#### **d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

**3. Thủ tục hành chính 3: Xác nhận bảng kê lâm sản (1.000045)**

#### **a) Nội dung đơn giản**

- Cắt giảm thời gian thẩm định hồ sơ, thời gian từ 7 ngày xuống 4 ngày.

### **b) Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi bổ sung khoản 7 Điều 5 Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

### **c) Lợi ích phương án đơn giản hoá**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.295.587.300 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 547,670,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 747.917.300 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 57,73%.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 43%.

### **d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

## **4. Thủ tục hành chính 4: Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên (1.000047)**

### **a) Nội dung đơn giản**

Cắt giảm thời gian thẩm định hồ sơ, thời gian từ 10 ngày xuống 07 ngày.

### **b) Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi thời gian thực hiện tại Khoản 3, Điều 7, Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

### **c) Lợi ích phương án đơn giản hoá**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.128.495.250 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 698.039.250 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 430.456.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 38,14%.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 30%.

### **d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

## **V. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG**

## **1. Thủ tục hành chính 1: Chấp thuận đăng ký vận chuyển xuyên biên giới chất thải nguy hại theo Công ước Basel về kiểm soát vận chuyển xuyên biên giới chất thải nguy hại và việc tiêu hủy chúng (1.010737)**

### **a) Nội dung đơn giản hóa**

- Giảm thời gian xử lý hồ sơ từ 30 ngày, còn 20 ngày.

- Bãi bỏ yêu cầu phải nộp thành phần phụ lục hồ sơ về hợp đồng với đơn vị bảo hiểm.

**b) Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi Điều 38 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**c) Lợi ích phương án đơn giản hoá**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 111.918.560 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 67.258.750 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 44.659.810 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 39,9 %.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 30,33%.

**d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

**VI. LĨNH VỰC THUỶ SẢN VÀ KIỂM NGƯ**

**1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (1.003741)**

**a) Nội dung đơn giản hóa:**

Mẫu hóa thành phần hồ sơ gồm: “Hồ sơ quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương” và “Biên bản kiểm tra” để thống nhất các thông tin.

**b) Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi các nội dung tại Phụ lục XII (Mẫu 02.CN, 03.CN, 04.CN) tại Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư.

**c) Lợi ích phương án đơn giản hoá**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 77.500.000 đồng/thủ tục
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 41.550.000 đồng/thủ tục
- Chi phí tiết kiệm: 35.950.000 đồng/thủ tục
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 46,39 %.

**d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

**2. Thủ tục hành chính 2: Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (1.003726)**

**a) Nội dung đơn giản hóa:**

- Bãi bỏ đối tượng thực hiện TTHC này trong trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; chỉ thực hiện cấp lại đối với trường hợp thay đổi thông tin.

- Bãi bỏ yêu cầu nộp “Bản chính Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá cũ trong trường hợp hư hỏng, thay đổi thông tin”.

**b) Kiến nghị thực thi :**

- Sửa đổi Điều 12 Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 01/2022/TT BNNPTNT ngày 18/01/2022).

- Sửa đổi Điều 10 Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư.

**c) Lợi ích phương án đơn giản hoá**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.300.000 đồng/thủ tục
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.600.000 đồng/thủ tục
- Chi phí tiết kiệm: 700.000 đồng/thủ tục
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30,4 %.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 40%.

**d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

**3. Thủ tục hành chính 3: Cấp, cấp lại giấy phép nhập khẩu thủy sản sống đối với trường hợp không phải đánh giá rủi ro (1.003790)**

**a) Nội dung đơn giản hóa:**

- Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 12 ngày xuống 09 ngày.
- Sửa điểm c khoản 1 Điều Điều 6 Thông tư số 25/2018/TT-BNNPTNT “*Bản sao chụp*” thành “*Scan bản gốc*”, vì hướng tới tiếp nhận hồ sơ trên môi trường điện tử. Tổ chức, cá nhân Scan để giảm chi phí.
- Không yêu cầu nộp “Bản chính đề cương nghiên cứu khoa học đã được cơ quan có chức năng nghiên cứu khoa học hoặc cơ quan quản lý nhà nước phê duyệt” trong trường hợp kết nối, sử dụng được dữ liệu cơ sở chuyên ngành.

**b) Kiến nghị thực thi:**

- Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 4 Điều 6; điểm c khoản 1 Điều 6 Thông tư số 25/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 7 Thông tư 01/2022/TT- BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**c) Lợi ích phương án đơn giản hoá**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 163.514.160 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 118.336.068 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 45.178.092 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27,6 %.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 25%.

**d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

**4. Thủ tục hành chính 4: Cấp, cấp lại giấy phép nhập khẩu thủy sản sống đối với trường hợp phải đánh giá rủi ro (1.003361)**

**a) Nội dung đơn giản hóa:**

Giảm thời gian thực hiện từ 35 ngày xuống 30 ngày

**b) Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi điểm d, khoản 2 Điều 5; điểm c khoản 1 Điều 6 Thông tư số 25/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự, thủ tục đánh giá rủi ro, cấp phép nhập khẩu thủy sản sống.

**c) Lợi ích phương án đơn giản hoá**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 92.162.832 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 88.461.884 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3.700.948 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4,0 %.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 14,3%.

**d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

**5. Thủ tục: Xóa đăng ký tàu cá (1.003681)**

**a) Nội dung đơn giản hóa:**

- Cắt giảm thời gian xử lý từ 03 ngày làm việc, còn 02 ngày làm việc.
- Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

**b) Kiến nghị thực thi**

Sửa khoản 12, Điều 5 Thông tư 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.

**c) Lợi ích phương án đơn giản hoá**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 45.900.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 35.903.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21,77%

**d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

## **6. Thủ tục hành chính 6: Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (1.003650)**

### **a) Nội dung đơn giản hóa:**

- Cắt giảm thời gian xử lý từ 05 ngày làm việc (02 ngày kiểm tra hồ sơ, 03 ngày cấp giấy), còn 04 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ (gộp khâu kiểm tra và cấp giấy thành một quy trình).

- Bỏ quy định phản hồi bằng văn bản giấy: Thay vì gửi văn bản giấy yêu cầu bổ sung hồ sơ, chuyển sang gửi thông báo điện tử (qua email, cổng dịch vụ công).

- Áp dụng chữ ký số cá nhân và mã định danh tàu để xác thực điện tử.

- Ứng dụng công nghệ thông tin tích hợp dữ liệu liên thông, kết nối dữ liệu giữa cơ quan quản lý thủy sản cấp tỉnh - Cục Thủy sản và Kiểm ngư - Biên phòng

- Đăng kiểm để không phải nộp lại thông tin đã có.

- Cho phép truy xuất dữ liệu tàu đã đăng ký, không yêu cầu bản giấy đối với tàu chuyên tỉnh.

### **b) Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi, bổ sung Thông tư 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.

### **c) Lợi ích phương án đơn giản hoá**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 70.000.000 đồng /năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 20.000.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28.6 %.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 33%.

**d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

## **7. Thủ tục hành chính 7: Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (1.003634)**

### **a) Nội dung đơn giản hóa:**

- Cắt giảm thời gian xử lý từ 05 ngày làm việc (02 ngày kiểm tra hồ sơ, 03 ngày cấp giấy), còn 04 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ (gộp khâu kiểm tra và cấp giấy thành một quy trình).

- Bỏ quy định phản hồi bằng văn bản giấy: Thay vì gửi văn bản giấy yêu cầu bổ sung hồ sơ, chuyển sang gửi thông báo điện tử (qua email, cổng dịch vụ công).

- Áp dụng chữ ký số cá nhân và mã định danh tàu để xác thực điện tử.

- Ứng dụng công nghệ thông tin tích hợp dữ liệu liên thông, kết nối dữ liệu giữa cơ quan quản lý thủy sản cấp tỉnh - Cục Thủy sản và Kiểm ngư - Biên phòng
- Đăng kiểm để không phải nộp lại thông tin đã có.

- Cho phép truy xuất dữ liệu tàu đã đăng ký, không yêu cầu bản giấy đối với tàu chuyên tỉnh.

#### **b) Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi, bổ sung Thông tư 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.

#### **c) Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 69.000.000 đồng /năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 49.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 20.000.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28.6 %.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 20%.

#### **d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

### **8. Thủ tục hành chính 8: Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá (1.003586)**

#### **a) Nội dung đơn giản hóa:**

- Cắt giảm thời gian xử lý từ 03 ngày làm việc, còn 02 ngày làm việc.

#### **b) Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi khoản 12, Điều 5 Thông tư 01/2022/TT-BNNPTNT BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.

#### **c) Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 80.000.000 đồng /năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 80.000.000 đồng /năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 33%.

**d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

## **9. Thủ tục hành chính 9: Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu) (1.003593)**

**a) Nội dung đơn giản hóa**

Giảm thời gian thực hiện từ 02 ngày xuống 01 ngày.

**b) Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi, bổ sung Điều 10 Thông tư số 21/2018/TT- BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác.

**c) Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 46.000.000 đồng
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 23.000.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 23 triệu đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 50%.

**d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

## **10. Thủ tục hành chính 10: Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá (1.003590)**

**a) Nội dung đơn giản hóa:**

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

Lý do: Thủ tục này không còn phù hợp với thực tiễn do đây là giao dịch dân sự mang tính chất thỏa thuận giữa chủ tàu và cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá. Việc thiết kế, thi công tàu cá được các bên chủ động lựa chọn đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện nhằm đảm bảo chất lượng và an toàn kỹ thuật, không cần thiết phải thông qua khâu thẩm định thiết kế bắt buộc của cơ quan nhà nước.

Ngoài ra, pháp luật hiện hành đã có các quy định bắt buộc về kiểm tra, giám sát an toàn kỹ thuật tàu cá trong quá trình đóng mới, cải hoán và trước khi đưa vào sử dụng thông qua các thủ tục đăng kiểm, đăng ký tàu cá. Do đó, yêu cầu thêm bước thẩm định thiết kế làm phát sinh chi phí, kéo dài thời gian, gây trùng lặp trong quản lý và không tạo thêm giá trị thực chất trong việc đảm bảo chất lượng, an toàn của tàu cá.

**b) Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi Điều 16 Thông tư 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.

**c) Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 560.000.000 đồng
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 560.000.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 50%

**d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

**11. Thủ tục hành chính 11: Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá (1.003563)**

**a) Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính**

Lý do: Đây là giao dịch dân sự mang tính tự nguyện giữa cơ sở đóng, cải hoán tàu cá và chủ tàu, được điều chỉnh bởi hợp đồng dịch vụ. Hai bên tự thỏa thuận về thiết kế, vật liệu, quy trình kỹ thuật và chịu trách nhiệm với sản phẩm do mình thực hiện. Việc yêu cầu cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật ở bước này là không cần thiết vì chưa phát sinh hành vi đưa tàu vào sử dụng hoặc khai thác thủy sản.

Ngoài ra, pháp luật hiện hành đã có cơ chế kiểm soát an toàn kỹ thuật hiệu quả thông qua thủ tục đăng kiểm và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá trong quá trình đăng kiểm trước khi tàu được đưa vào khai thác. Do đó, yêu cầu cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật ngay từ khi hoàn thành đóng mới hoặc cải hoán là trùng lặp, gây tốn kém thời gian, chi phí cho người dân và doanh nghiệp.

**b) Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi Điều 17 Thông tư 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.

**c) Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 100.000.000 đồng
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 100.000.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 100%.

**d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

## **12. Thủ tục hành chính 12: Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu) (1.003666)**

### **a) Nội dung đơn giản hóa**

- Bãi bỏ đối tượng cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác đối với trường hợp: Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác bị rách, nát không còn nguyên vẹn; bị mất; theo đó, chỉ thực hiện cấp lại trong trường hợp có thay đổi thông tin trong giấy chứng nhận.

- Bãi bỏ yêu cầu nộp: “Bản gốc Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác bị rách, nát không còn nguyên vẹn, bị sai thông tin (trừ trường hợp giấy chứng nhận bị mất” đối với thủ tục cấp lại.

### **b) Kiến nghị thực thi**

- Sửa đổi khoản 3 Điều 11 Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác.

- Bãi bỏ điểm c khoản 3 Điều 11 Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác.

### **c) Lợi ích phương án đơn giản hoá**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 68.000.000 đồng
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 38.285.714 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 29.714.286 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 43,70%
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 0%.

**d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

## **13. Thủ tục hành chính 13: Cấp, cấp lại thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá (1.003755)**

### **a) Nội dung đơn giản hóa:**

- Giảm thời gian thực hiện từ 10 ngày xuống còn 07 ngày.

- Bãi bỏ thông tin kê khai “Hồ sơ gửi kèm, gồm” tại Đơn đề nghị cấp/cấp lại thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm tàu cá.

### **b) Kiến nghị thực thi**

- Sửa khoản 5 Điều 5 Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.

- Sửa đổi Mẫu số 03.ĐKV Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.

### **c) Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.180.000 đồng
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.480.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 700.000 đồng/thủ tục
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,51 %.

### **d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

## **VII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC**

### **1. Thủ tục hành chính 1: Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất (1.012503)**

#### **a) Nội dung đơn giản hóa**

Cắt giảm thời gian giải quyết từ 30 ngày giảm xuống còn 15 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

#### **b) Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 2, Điều 28 Thông tư 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

#### **c) Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3,981,718 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3,981,718 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.
- Tỷ lệ cắt thời gian: 50%.

#### **d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

### **2. Thủ tục hành chính 2: Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất (1.012504)**

#### **a) Nội dung đơn giản hóa**

Cắt giảm thời gian giải quyết từ 30 ngày giảm xuống còn 15 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**b) Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 29 Thông tư 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

**c) Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 538,070 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 538,070 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.
- Tỷ lệ cắt thời gian: 50%.

**d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

**VIII. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

**1. Thủ tục hành chính 1: Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu (2.001062)**

**a) Nội dung đơn giản hóa**

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 6 ngày làm việc còn 05 ngày làm việc.

**b) Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi điểm c khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 44 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

**c) Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.582.736.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.066.188.800 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 516.547.200 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.
- Tỷ lệ cắt thời gian: 16%.

**d) Lộ trình thực hiện: 2025.**

**IX. LĨNH VỰC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

**1. Nhóm thủ tục hành chính: Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp (1.000025) – 03 TTHC (cấp Bộ, tỉnh, cơ quan khác).**

**a) Nội dung đơn giản hóa:**

- Cắt giảm thời gian thực hiện từ 135 ngày làm việc, còn 105 ngày làm việc.

- Mẫu hoá các thành phần hồ sơ theo hướng đưa những thông tin thật sự cần thiết, không được trùng lặp các thông tin giữa các mẫu đơn, tờ khai như: Tờ trình thẩm định, Đề án sắp xếp, đổi mới, Tờ trình Thủ tướng Chính phủ về Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp.

- Bãi bỏ yêu cầu nộp đĩa CD.

- Quy định cụ thể cách thức nộp hồ sơ bao gồm qua môi trường điện tử.

**b) Kiến nghị thực thi:**

Sửa đổi Điều 5, Điều 7 Thông tư số 02/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng đề án và phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp.

**c) Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.383.118 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.383.118 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 22,22%.

**d) Lộ trình thực hiện: 2025.**